

PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2024
(Kèm theo Công văn số 2732 /ĐHCN-CTSV ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Trường Đại học Công nghệ)

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SVTN có việc làm/ tổng số SV phản hồi (%)	Tỷ lệ SVTN có việc làm/ tổng số SV tốt nghiệp (%)	Khu vực làm việc			
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Có yếu tố nước ngoài	Tự tạo việc làm
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
1	7480101	Khoa học máy tính	168	18	160	17	105	30	8	15	2	98,75	94,05	25	85	28	5
2	7480201	Công nghệ thông tin	342	38	332	38	256	41	18	10	7	97,89	95,03	28	208	69	10
3	7480104	Hệ thống thông tin	42	9	42	9	18	19	3	2	0	100	100	5	28	6	1
4	7480106	Kỹ thuật máy tính	93	4	90	4	24	41	14	5	6	93,33	90,32	8	50	20	1
5	7520101	Cơ kỹ thuật	84	2	79	2	19	31	24	4	1	98,73	92,86	2	40	30	2
6	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	114	3	108	3	22	56	22	7	1	99,07	93,86	3	46	50	1
7	7520401	Vật lý kỹ thuật	64	6	64	6	8	24	15	16	1	98,44	98,44	3	19	21	4
8	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	61	7	60	7	24	25	6	2	3	95	93,44	8	39	7	1
9	7510103	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	84	1	78	1	40	21	12	3	2	97,44	90,48	9	53	8	3
10	7519002	Công nghệ nông nghiệp	29	11	29	11	7	9	11	1	1	96,55	96,55	0	23	2	2

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SVTN có việc làm/ tổng số SV phản hồi (%)	Tỷ lệ SVTN có việc làm/ tổng số SV tốt nghiệp (%)	Khu vực làm việc			
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Có yếu tố nước ngoài	Tự tạo việc làm
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
11	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	115	7	110	6	24	57	20	7	2	98,18	93,91	22	54	23	2
12	7519001	Công nghệ hàng không vũ trụ	51	6	51	6	15	12	18	4	2	96,08	96,08	10	21	9	5
13	7520406	Kỹ thuật năng lượng	49	3	49	3	15	12	13	8	1	97,96	97,96	3	30	7	0
14	7520217	Kỹ thuật Robot	39	7	39	7	11	21	3	2	2	94,87	94,87	3	23	9	0
15	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	63	3	57	3	21	25	8	3	0	100	90,48	8	24	22	0
Tổng			1398	125	1348	123	609	424	195	89	31	97,7	94,21	137	743	311	37

Ninh